CTCP VICEM Thương mại Xi măng (HNX: TMX)

FireAnt

Ngày 31/03/2025	10,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	8.0%	**9.1%**	**11.3%**

ROE — 2024: **1.4%** | +/- YoY ▼ 2.3%

DT thuần — *Q1/25*: **87.1** *tỷ VNĐ* | QoQ ▼ 53.9 ▼ 38.2% | YoY ▲ 11.5 ▲ 15.3%

DT thuần — *2024*: **489** *tỷ VNĐ* | YoY ▼ 20.0 ▼ 3.9%

LN gộp — *Q1/25*: **2.76** *tỷ VNĐ* | QoQ ▼ 3.90 ▼ 58.6% | YoY ▼ 0.23 ▼ 7.7%

LN gộp — *2024*: **23.3** *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 2.30 ▲ 11.2%

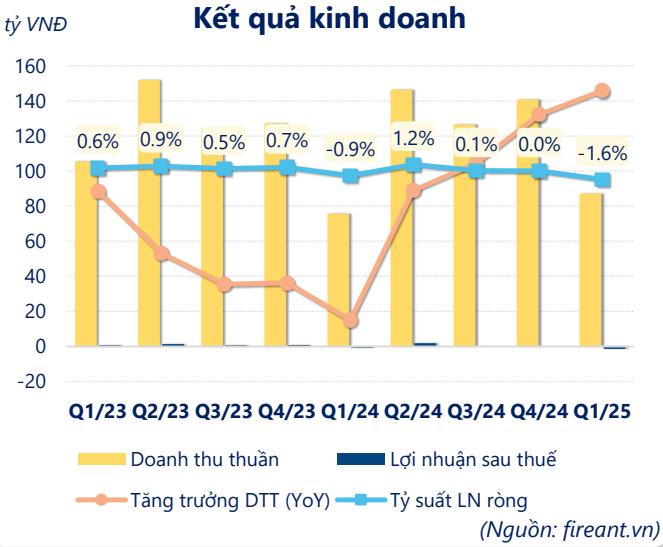
LN thuần — *Q1/25*: **-1.40** *tỷ VNĐ* | QoQ ▼ 1.85 ▼ 411% | YoY ▼ 0.73 ▼ 109%

LN thuần — *2024*: **1.97** *tỷ VNĐ* | YoY ▼ 2.56 ▼ 56.5%

LN sau thuế — *Q1/25*: **-1.39** *tỷ VNĐ* | QoQ ▼ 1.43 ▼ 3566% | YoY ▼ 0.74 ▼ 113%

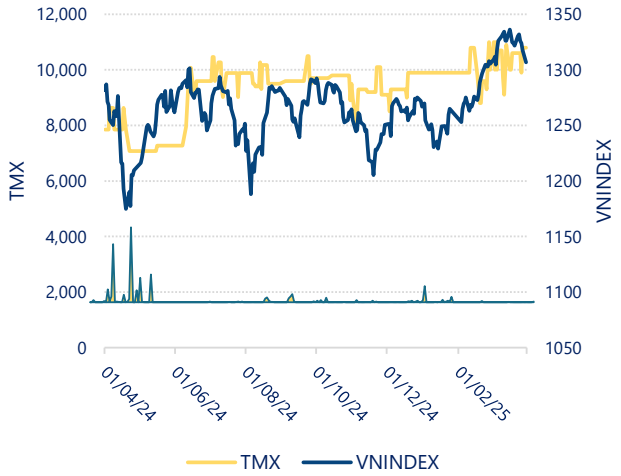
LN sau thuế — *2024*: **1.28** *tỷ VNĐ* | YoY ▼ 2.24 ▼ 63.6%

Kết quả kinh doanh



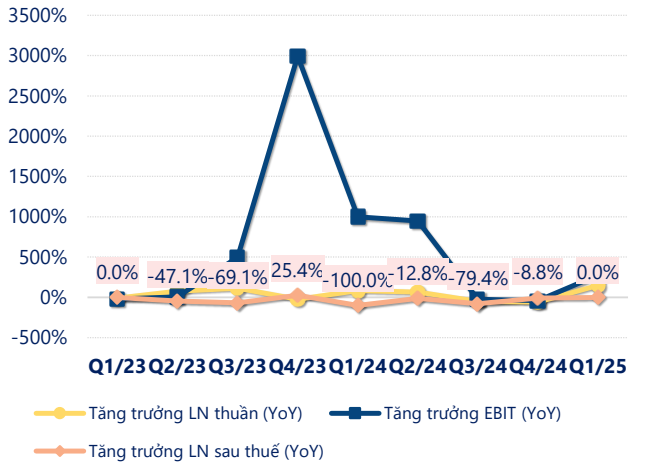
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



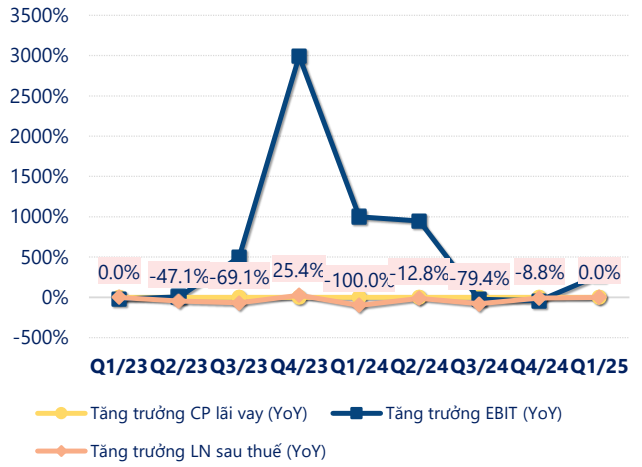
CTCP VICEM Thương mại Xi măng (HNX: TMX)

Tăng trưởng lợi nhuận



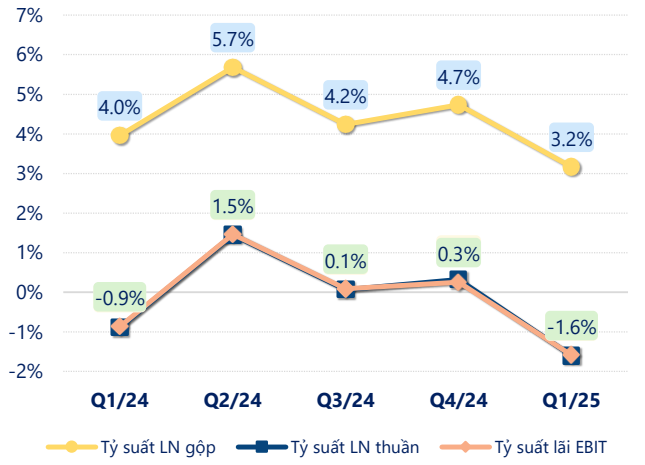
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



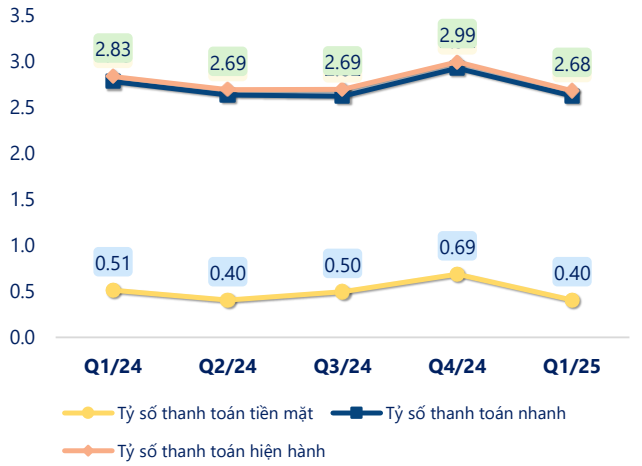
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



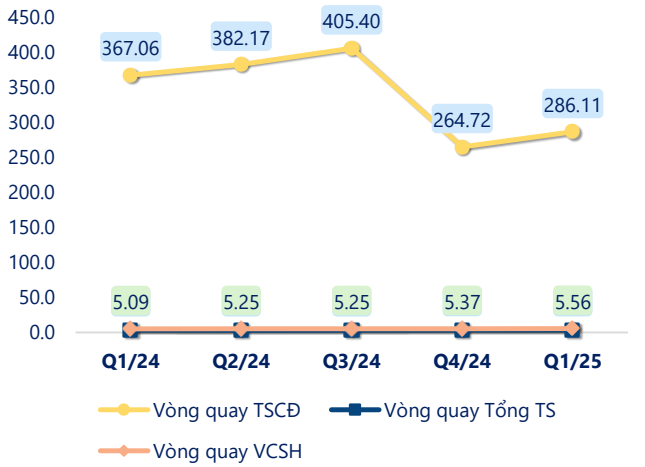
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



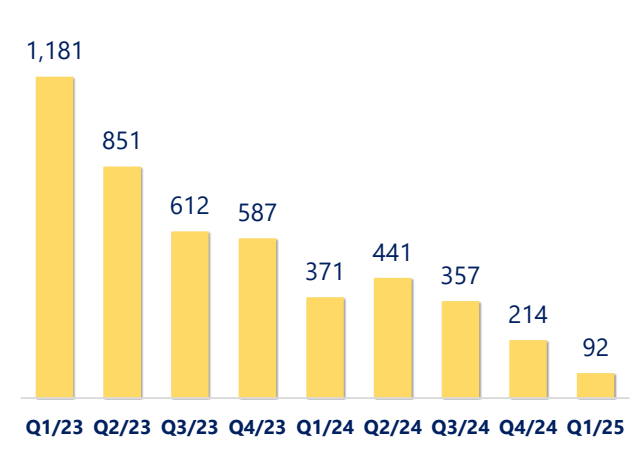
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

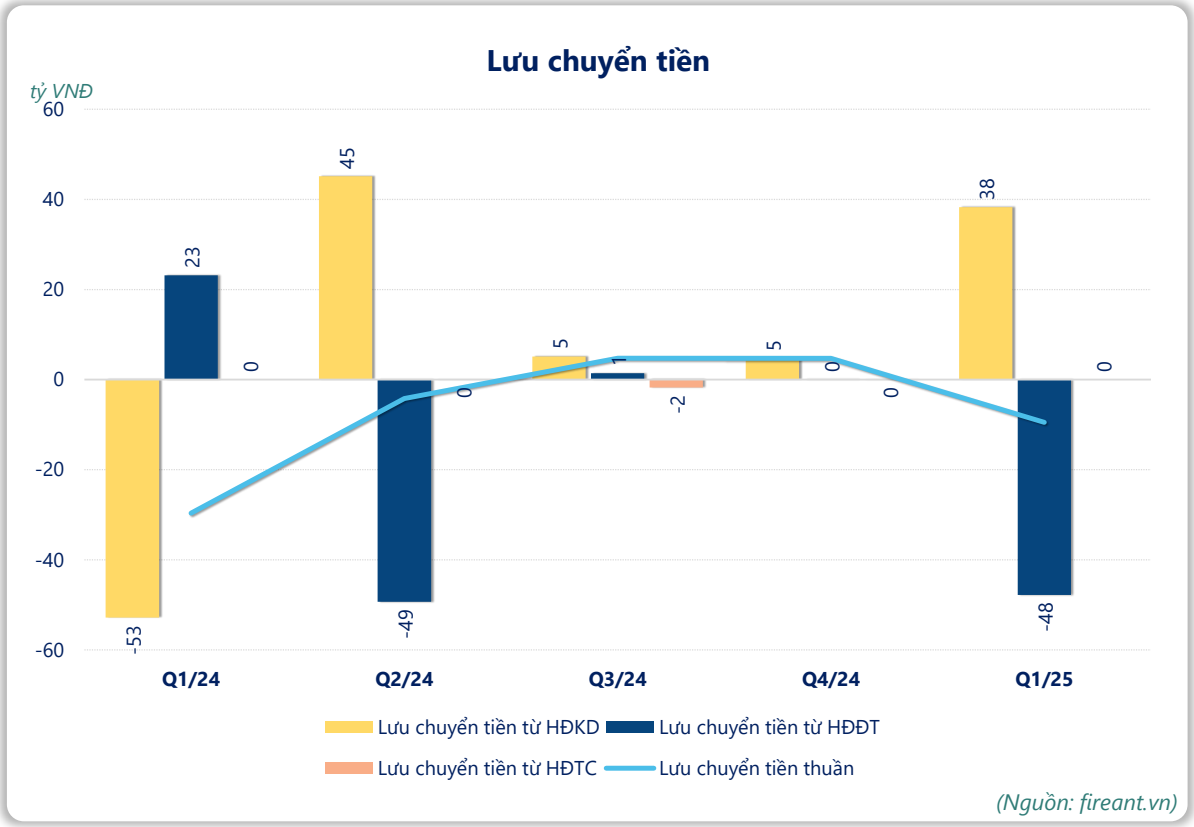


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP VICEM Thương mại Xi măng (HNX: TMX)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**87.1**	**75.6**	**15.3%**	**489**	**509**	**-3.9%**
Giá vốn hàng bán	84.4	72.6	16.2%	466	488	-4.6%
Lợi nhuận gộp	2.76	2.99	-7.7%	23.3	21.0	11.2%
Doanh thu HĐTC	1.09	1.13	-3.7%	4.41	6.94	-36.4%
Chi phí TC	0.42	0.28	48.3%	2.12	1.69	25.2%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.44	1.99	22.9%	11.5	10.9	5.6%
Chi phí QLDN	**2.38**	**2.52**	**-5.4%**	**12.2**	**10.8**	**12.3%**
LN thuần từ HĐKD	-1.40	-0.67	-109%	1.97	4.53	-56.5%
Lợi nhuận khác	**0.01**	**0.02**	**-41.7%**	**-0.02**	**0.04**	**-155%**
LN trước thuế	-1.39	-0.65	-113%	1.95	4.57	-57.3%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.39**	**-0.65**	**-113%**	**1.28**	**3.52**	**-63.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.39**	**-0.65**	**-113%**	**1.28**	**3.52**	**-63.6%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)